

Số: 05/2015/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 16 tháng 4 năm 2015

SỞ TƯ PHÁP T. TUYÊN QUANG

Ngày 19-05-2015

CÔNG VĂN BẢN SỐ: 1597

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 43/NQ-CP ngày 06/6/2014 của Chính phủ về một số nhiệm vụ trọng tâm cải cách thủ tục hành chính trong hình thành và thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất để cải thiện môi trường kinh doanh;

Căn cứ Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 78/TTr-TNMT ngày 06/4/2015 về việc ban hành Quy định về trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/4/2015 và thay thế Quyết định số 16/2009/QĐ-UBND ngày 21/10/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Ban hành Quy định về trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, mục đích phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan đơn vị, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường; (báo cáo)
- Cục KTVB - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBMT Tổ quốc và các đoàn thể tỉnh;
- Viện KSND, Tòa án ND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Các Phó VP UBND tỉnh;
- Đài Phát thanh và truyền hình tỉnh;
- Báo Tuyên Quang;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng Tin học - Công báo;
- Trường phòng khối NCTH;
- Lưu VT, ĐC (Tỉnh)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đình Quang

QUY ĐỊNH

Trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang
(Ban hành kèm theo Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 16/4/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai; cơ quan chuyên môn liên quan đến công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng.

2. Người sử dụng đất quy định tại Điều 5 của Luật Đất đai ngày 29/11/2013 (sau đây viết tắt là Luật Đất đai) khi Nhà nước thu hồi đất.

3. Chủ đầu tư xây dựng công trình, dự án; tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

Công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang thực hiện theo nguyên tắc dân chủ, công khai, minh bạch, đúng quy định của pháp luật, chính sách hiện hành của Nhà nước và tại Quy định này.

Điều 4. Ủy quyền thu hồi đất

Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét ủy quyền cho Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định thu hồi đất đối với từng công trình, dự án cụ thể thuộc trường hợp quy định Khoản 3 Điều 66 Luật Đất đai.

Chương II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THỰC HIỆN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ

Điều 5. Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm

1. Lập, trình duyệt kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm

a) Sở Tài nguyên và Môi trường lập, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm đối với công trình, dự án thuộc thẩm quyền thu hồi đất của cấp tỉnh.

b) Phòng Tài nguyên và Môi trường lập, trình Ủy ban nhân dân huyện, thành phố phê duyệt kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm đối với công trình, dự án thuộc thẩm quyền thu hồi đất của cấp huyện và những công trình, dự án được Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền thu hồi đất.

2. Việc xây dựng kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm phải đảm bảo đáp ứng nhu cầu, tiến độ giải phóng mặt bằng của từng công trình, dự án. Nội dung kế hoạch theo quy định tại Khoản 1 Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai (sau đây viết tắt là Nghị định số 43/2014/NĐ-CP).

3. Thời gian lập, trình và phê duyệt kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm của từng công trình, dự án không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định phê duyệt quy hoạch xây dựng chi tiết công trình, phê duyệt Thiết kế kỹ thuật (đối với công trình theo tuyến), hoặc văn bản chấp thuận đầu tư của cấp có thẩm quyền do Chủ đầu tư xây dựng công trình gửi đến.

Điều 6. Trích đo địa chính hoặc trích lục bản đồ địa chính thửa đất nằm trong ranh giới thu hồi

1. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng chủ trì, phối hợp với Chủ đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi và đơn vị lập quy hoạch chi tiết công trình tiến hành xác định mốc giới quy hoạch, tọa độ mốc, phạm vi giải phóng mặt bằng tại thực địa và trên bản đồ địa chính (nếu có). Lập biên bản xác định phạm vi giải phóng mặt bằng có đầy đủ chữ ký của các thành phần tham gia.

2. Căn cứ biên bản xác định phạm vi giải phóng mặt bằng, Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì phối hợp với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng hợp với người sử dụng đất trong khu vực thu hồi đất phổ biến về phạm vi giải phóng mặt bằng, về thời gian trích đo địa chính thửa đất, về trách nhiệm của các chủ sử dụng đất trong việc phối hợp thực hiện đo đạc xác định diện tích, hiện trạng thửa đất thu hồi.

3. Việc trích đo địa chính hoặc trích lục bản đồ địa chính thửa đất nằm trong ranh giới thu hồi được thực hiện như sau:

a) Trích lục từ bản đồ địa chính sau khi đã rà soát chỉnh lý bản đồ phù hợp với hiện trạng (đối với nơi đã có bản đồ địa chính).

b) Trích đo địa chính xác định diện tích, hiện trạng các thửa đất nằm trong ranh giới thu hồi đất (đối với nơi chưa có bản đồ địa chính hoặc đã có bản đồ địa chính nhưng phải đo vẽ lại theo quy định tại Khoản 3 Điều 17 Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bản đồ địa chính).

c) Lập danh sách chủ sử dụng các thửa đất bị thu hồi.

Điều 7. Thông báo thu hồi đất

1. Trong năm (05) ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc trích đo địa chính hoặc trích lục bản đồ địa chính theo quy định tại Khoản 3 Điều 6 Quy định này, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện lập hồ sơ thông báo thu hồi đất gửi Phòng Tài nguyên và Môi trường nếu thẩm quyền thu hồi đất cấp huyện, Sở Tài nguyên và Môi trường nếu thẩm quyền thu hồi đất cấp tỉnh. Thành phần hồ sơ theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất (sau đây viết tắt là Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT), trong đó có bổ sung thêm danh sách chủ sử dụng thửa đất thu hồi.

2. Trong ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thông báo thu hồi đất tại Khoản 1 Điều này, cơ quan tài nguyên và môi trường thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp thẩm quyền ký ban hành thông báo thu hồi đất.

3. Trong hai (02) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo thu hồi đất đã phê duyệt, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng phối hợp với Chủ đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi tổ chức họp với người sử dụng đất và các tổ chức có liên quan đến việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện:

a) Công bố thông báo thu hồi đất đã được cấp thẩm quyền phê duyệt; các quy định của Nhà nước và pháp luật về chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; quyền và trách nhiệm của người bị thu hồi đất và người có liên quan.

b) Triển khai chi tiết kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm tài sản; cách thức thực hiện kiểm kê đất đai, tài sản gắn liền với đất thu hồi.

c) Gửi thông báo thu hồi đất đến chủ sử dụng các thửa đất thu hồi và niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi thu hồi đất.

4. Việc công bố thông báo thu hồi đất được lập thành biên bản có đầy đủ chữ ký của người thực hiện và xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi.

Điều 8. Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

1. Phòng Tài nguyên và Môi trường dự thảo quyết định thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (sau đây viết tắt là Hội đồng bồi thường) theo từng công trình, dự án trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt để thực hiện nhiệm vụ xét duyệt các trường hợp đủ hoặc không đủ điều kiện được bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo đúng quy định của pháp luật.

2. Quyết định thành lập Hội đồng bồi thường được phê duyệt trong cùng một ngày ban hành thông báo thu hồi đất (đối với công trình, dự án thuộc thẩm quyền thu hồi đất cấp huyện) hoặc chậm nhất sau 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo thu hồi đất của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Thành phần Hội đồng bồi thường gồm

a) Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.

b) Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng là lãnh đạo phòng Tài nguyên và Môi trường.

c) Ủy viên Hội đồng, gồm:

- Lãnh đạo Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng được giao nhiệm vụ lập, thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của công trình, dự án tại kế hoạch thu hồi đất.

- Lãnh đạo các phòng: Tài chính - Kế hoạch, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Kinh tế - Hạ tầng (hoặc Phòng Quản lý đô thị, Phòng Kinh tế đối với thành phố);

- Chủ đầu tư xây dựng công trình, dự án;

- Lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi;

- Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã;

- Đại diện của những người bị thu hồi đất do nhân dân tại khu vực thu hồi đất bầu ra, số lượng người tham gia tùy thuộc vào từng công trình, dự án; người đại diện phải là người có đủ năng lực hành vi dân sự, hiểu biết về pháp luật, về nguồn gốc đất đai tại vị trí đất thu hồi;

- Các thành viên khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định cho phù hợp với thực tế ở địa phương.

4. Hội đồng bồi thường thực hiện nhiệm vụ theo chế độ kiêm nhiệm và tự chấm dứt hoạt động sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 9. Kiểm kê đất đai, tài sản gắn liền với đất thu hồi

1. Trong ba mươi (30) ngày làm việc, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã và Chủ đầu tư thực hiện xong việc đo đạc kiểm kê đất đai, tài sản gắn liền với đất thu hồi theo từng chủ sử dụng, cụ thể:

1.1. Kiểm kê thực tế về đất thu hồi

a) Kiểm tra, đối chiếu giữa thực tế thửa đất với bản trích lục hoặc trích đo địa chính thửa đất thu hồi đã lập tại Khoản 3 Điều 6 Quy định này với giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại điểm b Khoản này để xác định diện tích, loại đất thu hồi của từng chủ sử dụng theo từng thửa đất; trường hợp người có đất bị thu hồi chưa thống nhất về diện tích, loại đất thì thực hiện đo đạc ranh giới kích thước thửa đất, phần diện tích thu hồi và mô tả đúng hiện trạng sử dụng đất có đầy đủ chữ ký của các thành phần tham gia để làm cơ sở giải quyết.

b) Thu thập bản phô tô có chứng thực (tại thời điểm kiểm kê) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 100 Luật Đất đai, Điều 18 và Khoản 2 Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP để làm căn cứ xem xét việc bồi thường.

c) Trường hợp người sử dụng đất không có một trong các loại giấy tờ quy định tại điểm b Khoản này hoặc trên giấy tờ không ghi rõ thời điểm xác lập giấy tờ, mục đích sử dụng đất thì yêu cầu người sử dụng đất có giấy kê khai về thời điểm bắt đầu sử dụng đất, thời điểm sử dụng đất vào mục đích hiện tại và thống kê danh sách để Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến của những người đã từng cư trú cùng thời điểm bắt đầu sử dụng đất theo quy định tại Khoản 4 Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP để làm cơ sở xem xét việc bồi thường.

1.2. Kiểm kê thực tế về tài sản (nhà, vật kiến trúc khác)

a) Đối với nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt và công trình, vật kiến trúc khác của hộ gia đình, cá nhân: Căn cứ vào thực tế của từng công trình để xác định cấp công trình, loại công trình theo tiêu chí phân cấp công trình quy định tại Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Đơn giá bồi thường về tài sản (vật kiến trúc, cây trồng, vật nuôi) gắn liền với đất bị thu hồi khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

b) Đối với nhà ở, công trình không nằm trọn trên đất thu hồi, chỉ bị phá dỡ một phần, phần còn lại vẫn bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật, vẫn sử dụng được theo quy hoạch thì xác định cụ thể về khối lượng phải bồi thường, khối lượng phải sửa chữa hoàn thiện phần còn lại theo tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương của nhà, công trình trước khi bị phá dỡ để bồi thường, hỗ trợ.

c) Quá trình thực hiện kiểm kê nhà, vật kiến trúc khác phải vẽ sơ đồ mặt bằng từng tầng, mô tả cấu tạo, quy cách công trình, đo đạc và ghi rõ kích thước các cạnh, diện tích xây dựng, diện tích sàn, cấp nhà, năm xây dựng, các loại vật liệu ốp lát; xác định tỷ lệ chất lượng còn lại thực tế của công trình để làm căn cứ xét bồi thường, hỗ trợ.

1.3. Kiểm kê thực tế về mồ mã: Xác định số mộ phải di chuyển, trong đó phân theo các loại mồ mã trong đơn giá di chuyển mồ mã, như: Mộ đã cải táng chưa xây gạch, mộ đã cải táng xây gạch, mộ chưa cải táng đã đến thời gian cải táng, mộ chôn không cải táng đã xây gạch, mộ chôn chưa đến thời hạn cải táng; phạm vi di chuyển mồ mã.

Trường hợp loại mồ mã không có trong đơn giá di chuyển mồ mã do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định thì thực hiện mô tả cấu tạo, quy cách xây dựng, đo đạc và ghi rõ kích thước diện tích, loại vật liệu xây dựng để có căn cứ tính toán lập phương án bồi thường.

1.4. Kiểm kê thực tế về cây trồng, vật nuôi: Xác định cụ thể từng loại cây trồng, vật nuôi trên từng thửa đất bị thu hồi theo đúng tiêu chí quy định trong quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về đơn giá bồi thường cây trồng, vật nuôi.

1.5. Kiểm kê thực tế số nhân khẩu trong sổ hộ khẩu, số nhân khẩu trong phạm vi thu hồi đất, số lao động trong độ tuổi, số lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp, hộ gia đình thuộc các đối tượng chính sách (nếu có).

1.6. Việc kiểm kê phải có sự tham gia của đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã và người có đất bị thu hồi, hoặc người có quyền, lợi ích liên quan. Kết quả kiểm kê phải lập thành biên bản với từng người bị thu hồi đất; biên bản phải ghi rõ ngày, tháng, năm; số liệu ghi trong biên bản phải rõ ràng, không tẩy xóa, chính xác về số lượng, khối lượng và các yếu tố có liên quan đến việc xét bồi thường, hỗ trợ; có đầy đủ chữ ký của các thành phần tham gia kiểm kê, người bị thu hồi đất, thiệt hại tài sản (hoặc người được uỷ quyền theo quy định của pháp luật) và được Ủy ban nhân dân cấp xã ký, đóng dấu xác nhận. Trường hợp phải sửa chữa biên bản thì phải có chữ ký, họ tên của người sửa chữa và đóng dấu xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung kiểm kê ghi trong biên bản.

Đối với biên bản có nhiều trang phải có chữ ký của đại diện người có đất bị thu hồi, hoặc người có quyền, lợi ích liên quan vào từng trang biên bản và đóng dấu giáp lai Ủy ban nhân dân cấp xã sở tại.

1.7. Biên bản kiểm kê đất đai, tài sản gắn liền với đất thu hồi được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau: 01 bản lưu tại Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng; 01 bản người bị thu hồi đất, hoặc người có quyền, lợi ích liên quan giữ.

1.8. Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được biên bản kiểm kê nêu tại Khoản 1.7 Điều này, hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất, tài sản gắn liền với đất thu hồi phải rà soát, đối chiếu nội dung biên bản với thực tế, nếu phát hiện có sai sót thì phải có ý kiến bằng văn bản gửi Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất để được kiểm tra, xem xét giải quyết, nếu không có ý kiến thì được coi là đã nhất trí với kết quả kiểm kê.

1.9. Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của người bị thu hồi đất, hoặc người có quyền, lợi ích liên quan về kết quả kiểm kê, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm kiểm tra thực địa (nếu cần thiết), giải quyết vướng mắc, hoàn chỉnh kết quả kiểm kê.

Trường hợp có thay đổi kết quả kiểm kê thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng lập biên bản kiểm kê lần 2 thay thế biên bản kiểm kê lần 1. Nội dung, hình thức biên bản kiểm kê lần 2 thực hiện theo quy định tại Khoản 1.6 và Khoản 1.7 Điều này.

2. Trường hợp dự án lớn, khó khăn trong việc bồi thường giải phóng mặt bằng thì thời gian thực hiện kiểm kê đất đai, tài sản gắn liền với đất được xem xét xác định cụ thể tại thông báo thu hồi đất.

Điều 10. Chuẩn bị hồ sơ để quyết định kiểm kê, kiểm đếm bắt buộc

1. Trường hợp người sử dụng đất trong khu vực có đất thu hồi không phối hợp thực hiện kiểm kê, kiểm đếm đất đai, tài sản gắn liền với đất thu hồi thì thực hiện theo quy định tại điểm d Khoản 1 Điều 69 Luật Đất đai.

2. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng lập văn bản đề nghị kiểm kê, kiểm đếm bắt buộc và tập hợp đầy đủ tài liệu đã thực hiện gửi phòng Tài nguyên và Môi trường.

3. Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thành lập hồ sơ ban hành quyết định kiểm kê, kiểm đếm bắt buộc hoặc hồ sơ ban hành quyết định cưỡng chế kiểm kê, kiểm đếm bắt buộc quy định tại Điều 10 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định và tổ chức thực hiện kiểm kê, kiểm đếm bắt buộc theo quy định tại Điều 70 Luật Đất đai.

Điều 11. Cung cấp thông tin liên quan của cơ quan chuyên môn làm căn cứ lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

1. Trong năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu bằng văn bản của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng, Chi cục Thuế nơi có đất thu hồi phải có văn bản xác định mức thu nhập sau thuế của tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài làm cơ sở xem xét việc hỗ trợ ổn định sản xuất.

2. Trong ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu bằng văn bản của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng, Phòng Lao động - Thương binh và xã hội phải có văn bản xác nhận về các đối tượng chính sách làm cơ sở xem xét các khoản hỗ trợ khác.

3. Ngay sau khi thông báo thu hồi đất được ban hành, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện xác định giá đất cụ thể theo quy định của pháp luật, gửi Hội đồng thẩm định giá đất thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định làm căn cứ lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; đảm bảo đáp ứng kịp thời yêu cầu về tiến độ thực hiện đối với từng công trình, dự án.

Điều 12. Hợp xét bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

1. Trong thời gian năm (05) ngày làm việc kể từ ngày hoàn chỉnh kết quả kiểm kê, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng tổng hợp kết quả kiểm kê, tình trạng pháp lý của tất cả các trường hợp bị thu hồi đất, thiệt hại về tài sản, xác định chế độ chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được áp dụng đối với từng trường hợp gửi Hội đồng bồi thường để tổ chức họp xét.

2. Hội đồng bồi thường họp xét, thống nhất kết luận về khối lượng được hoặc không được bồi thường, hỗ trợ đối với từng trường hợp bị thu hồi đất theo đúng quy định của pháp luật; việc bố trí tái định cư (nếu có) để làm cơ sở phê duyệt dự án tái định cư trước khi có quyết định thu hồi đất của cấp có thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất (sau đây viết tắt là Nghị định số 47/2014/NĐ-CP).

3. Nội dung họp xét được ghi đầy đủ vào biên bản và thông qua cho toàn bộ thành viên Hội đồng bồi thường thống nhất ký xác nhận. Thời gian họp xét, hoàn thiện biên bản không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được biểu tổng hợp kết quả kiểm kê quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 13. Lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

Trong thời gian năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày Hội đồng bồi thường hoàn thành Biên bản họp xét, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng chủ trì phối hợp với Chủ đầu tư lập, hoàn thiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, nội dung của Phương án theo quy định tại Điều 28 Nghị định 47/2014/NĐ-CP.

Điều 14. Lấy ý kiến về dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

1. Sau khi hoàn thiện xong dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, chủ đầu tư thực hiện lấy ý kiến về dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư như sau:

a) Hợp trực tiếp với người dân để thông báo dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với từng chủ sử dụng đất bị thu hồi. Trường hợp đặc biệt do hoàn cảnh khách quan người bị thu hồi đất, người có quyền, lợi ích liên quan không tham gia cuộc họp thì phải có giấy ủy quyền theo quy định của pháp luật cho người khác thực hiện thay trách nhiệm của mình.

b) Niêm yết công khai dự thảo phương án tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư trong thời gian ít nhất là 20 ngày để lấy ý kiến của nhân dân tại khu vực có đất thu hồi (trừ trường hợp thu hồi đất quy định tại Điều 17 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP).

2. Người bị thu hồi đất và người có quyền, lợi ích liên quan có trách nhiệm kiểm tra lại toàn bộ dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; trường hợp có ý kiến khác với phương án bồi thường phải có ý kiến bằng văn bản gửi Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã để xem xét giải quyết. Sau thời hạn trên, nếu không có ý kiến thì được coi như đã nhất trí toàn bộ với nội dung dự thảo phương án bồi thường đã công khai.

3. Việc lấy ý kiến về dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được lập thành biên bản theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 69 Luật Đất đai.

Điều 15. Giải quyết vướng mắc sau khi lấy ý kiến về dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc niêm yết công khai dự thảo phương án bồi thường, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng chủ trì phối hợp với Chủ đầu tư thực hiện:

1. Tiếp thu, tổng hợp các ý kiến vướng mắc của người sử dụng đất.

2. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã đối thoại với những người có ý kiến không đồng ý với phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; xem xét giải quyết các vướng mắc, tổ chức kiểm tra thực địa (nếu cần thiết).

Việc giải quyết vướng mắc được lập thành biên bản có đầy đủ chữ ký của người thực hiện, xác nhận của đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, đại diện những người có đất thu hồi hoặc người có quyền, lợi ích liên quan; nội dung biên bản phải thể hiện rõ tổng số ý kiến tham gia, kết quả giải quyết từng ý kiến, căn cứ giải quyết.

3. Chỉnh sửa, hoàn thiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để gửi thẩm định.

Điều 16. Chuẩn bị hồ sơ thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

1. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng chuẩn bị hồ sơ, phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư gửi cơ quan tài nguyên và môi trường để thẩm định.

2. Hồ sơ gửi thẩm định gồm: Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; các tài liệu có liên quan đến việc lập phương án, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và tài liệu khác theo yêu cầu của cơ quan thẩm định.

3. Số lượng bộ hồ sơ trình thẩm định được xác định tùy theo từng công trình, dự án; nhưng phải đảm bảo mỗi cơ quan, đơn vị liên quan có 01 bộ hồ sơ để thẩm định.

Điều 17. Thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

1. Ngay khi nhận đủ hồ sơ trình thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại Điều 16 Quy định này; cơ quan tài nguyên và môi trường chủ trì tổ chức thực hiện thẩm định như sau:

a) Sở Tài nguyên và Môi trường ra văn bản gửi các sở, ngành liên quan bố trí cán bộ thực hiện thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đối với công trình, dự án thuộc thẩm quyền thu hồi đất của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Phòng Tài nguyên và Môi trường ra văn bản gửi các Phòng, ban liên quan bố trí cán bộ thực hiện thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trình Ủy ban nhân dân huyện, thành phố phê duyệt đối với công trình, dự án thuộc thẩm quyền thu hồi đất của Ủy ban nhân dân huyện và những công trình được Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền thu hồi đất.

c) Nội dung thẩm định bao gồm việc áp dụng chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật; việc áp dụng giá đất, giá tài sản để tính bồi thường, việc xét các đối tượng được hưởng các khoản hỗ trợ; số trường hợp phải bố trí tái định cư; kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với từng dự án; hoặc nội dung khác liên quan.

2. Trong thời gian không quá năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ kèm theo văn bản đề nghị thẩm định của cơ quan tài nguyên và môi trường, các cơ quan chuyên ngành gửi kết quả thẩm định về nội dung của ngành mình (gồm cả file số và bản giấy) đến cơ quan tài nguyên và môi trường để tổng hợp, ra văn bản thẩm định gửi Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng.

3. Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thẩm định, Tổ chức làm nhiệm vụ giải phóng mặt bằng chủ trì phối hợp với Chủ đầu tư kiểm tra, chỉnh sửa hoàn thiện phương án bồi thường theo ý kiến thẩm định hoặc có ý kiến phản hồi nếu có căn cứ cho rằng việc thẩm định chưa đảm bảo quy định. Cơ quan tài nguyên và môi trường có trách nhiệm kiểm tra lại kết quả thẩm định hoặc yêu cầu cơ quan có chức năng liên quan đến nội dung phản hồi kiểm tra lại kết quả thẩm định và có ý kiến cụ thể bằng văn bản làm cơ sở tổng hợp và thông báo lại cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có căn cứ thực hiện và lưu hồ sơ.

Điều 18. Hoàn thiện và kiểm tra hồ sơ thu hồi đất

1. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày có văn bản thẩm định phương án bồi thường, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng kiểm tra, hoàn chỉnh hồ sơ thu hồi đất theo quy định tại Khoản 1 Điều 11 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT gửi Phòng Tài nguyên và Môi trường (nếu thẩm quyền cấp huyện), gửi Sở Tài nguyên và Môi trường (nếu thẩm quyền cấp tỉnh).

2. Trong năm (05) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ thu hồi đất hợp lệ, cơ quan tài nguyên và môi trường thực hiện kiểm tra, lập tờ trình và dự thảo Quyết định thu hồi đất theo mẫu số 10 ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Trường hợp hồ sơ thu hồi đất phải chỉnh sửa, cơ quan tài nguyên và môi trường phải có ý kiến bằng văn bản đề Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng kiểm tra, chỉnh sửa hoàn thiện hồ sơ. Thời hạn chỉnh sửa hoàn thiện hồ sơ không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản cơ quan tài nguyên và môi trường.

Điều 19. Quyết định thu hồi đất, phê duyệt và công khai phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

1. Trong hai (02) ngày làm việc, kể từ khi nhận được tờ trình, dự thảo quyết định của cơ quan tài nguyên và môi trường, Ủy ban nhân dân cấp thẩm quyền quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong cùng một ngày.

2. Sau ba (03) ngày làm việc kể từ khi nhận được quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, chủ đầu tư tổ chức họp với những người có đất bị thu hồi để công khai phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư đã được phê duyệt theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai.

3. Việc công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được lập thành biên bản có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban mặt trận cấp xã và đại diện người có đất bị thu hồi.

Điều 20. Chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và cam kết bàn giao mặt bằng

1. Kể từ ngày tổ chức họp dân công bố quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Chủ đầu tư xây dựng công trình phối hợp với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và bố trí tái định cư cho người bị thu hồi đất, thiệt hại về tài sản; thời hạn thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ không vượt quá quy định tại Khoản 1 Điều 93 Luật Đất đai. Trường hợp người được bồi thường, hỗ trợ uỷ quyền cho người khác nhận thay thì phải có giấy uỷ quyền theo quy định của pháp luật.

2. Khi nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân phải ký biên bản cam kết thời gian bàn giao mặt bằng theo yêu cầu tiến độ thi công và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã cam kết; đồng thời nộp ngay bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (nếu có) cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng để chuyển đến Văn phòng Đăng ký Đất đai chỉnh lý biến động đối với trường hợp chưa thu hồi hết diện tích thửa đất hoặc quản lý theo quy định tại Khoản 1 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; việc giao, nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất phải lập sổ theo dõi và được ký nhận đầy đủ giữa các bên giao nhận.

3. Người bị thu hồi đất phải thực hiện đúng như nội dung đã cam kết.

Điều 21. Chuẩn bị hồ sơ để cưỡng chế thu hồi đất

1. Trường hợp người bị thu hồi đất không thực hiện giải phóng mặt bằng, không bàn giao đất thì thực hiện theo quy định tại điểm d Khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai. Việc xử lý tiền bồi thường, hỗ trợ đối với các trường hợp này theo quy định tại Khoản 3 Điều 93 Luật Đất đai.

2. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng lập báo cáo đề nghị cưỡng chế thu hồi đất và tập hợp toàn bộ tài liệu về quá trình thực hiện bồi thường, biên bản vận động, thuyết phục của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam cấp xã gửi Phòng Tài nguyên và Môi trường.

3. Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thành lập hồ sơ cưỡng chế thu hồi đất theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất và tổ chức thực hiện việc cưỡng chế theo quy định tại Khoản 3 Điều 17 Nghị định 43/2014/NĐ-CP và Điều 71 Luật Đất đai.

4. Người có đất thu hồi phải chấp hành quyết định thu hồi đất và quyết định cưỡng chế thu hồi đất, bàn giao diện tích đất thu hồi cho Chủ đầu tư hoặc Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường giải phóng mặt bằng.

Điều 22. Khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo

Việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo thực hiện theo quy định của pháp luật khiếu nại, tố cáo, pháp luật đất đai và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Trách nhiệm của các sở, ngành thuộc tỉnh

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì phối hợp với các Sở: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Giao thông Vận tải và các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện và kiểm tra, đôn đốc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định của pháp luật và tại quy định này. Xây dựng biểu mẫu đề thống nhất thực hiện trên toàn tỉnh.

b) Xem xét xử lý các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết (nếu vượt thẩm quyền).

c) Hướng dẫn tổ chức, cá nhân lập hồ sơ thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật và tổ chức bàn giao đất tại thực địa cho chủ đầu tư sau khi đã hoàn thành việc giải phóng mặt bằng.

2. Các Sở: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư; Cục Thuế tỉnh và các Sở, ngành liên quan:

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của từng ngành chủ động thực hiện và kịp thời kiểm tra, hướng dẫn giải quyết những kiến nghị, vướng mắc phát sinh về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, không để tồn đọng làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án.

b) Bố trí cán bộ thực hiện ngay việc thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với nội dung thuộc ngành mình, gửi kết quả thẩm định bằng văn bản đề Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, đảm bảo đúng thời gian quy định tại Khoản 2 Điều 17 Quy định này.

3. Thanh tra tỉnh

a) Giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo có liên quan đến công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định của pháp luật về khiếu nại và pháp luật về tố cáo đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Kiểm tra, đôn đốc Ủy ban nhân dân cấp huyện, các Sở, ngành có liên quan trong việc giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo có liên quan đến bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo thẩm quyền.

Điều 24. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã

1. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc có liên quan tổ chức thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại địa bàn theo đúng quy định của pháp luật và Quy định này.

b) Tiếp nhận và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo có liên quan đến bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trên địa bàn theo thẩm quyền.

c) Kịp thời báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết các vướng mắc vượt thẩm quyền; định kỳ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại địa bàn gửi Sở Tài nguyên và Môi trường vào ngày 30 của tháng cuối quý để tổng hợp.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Phối hợp với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường giải phóng mặt bằng và các tổ chức, đoàn thể trong việc thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại địa bàn; tuyên truyền, vận động người bị thu hồi đất chấp hành quyết định thu hồi đất của Nhà nước.

b) Kiểm tra, xem xét, lấy ý kiến khu dân cư và xác nhận về nguồn gốc sử dụng đất, sở hữu tài sản gắn liền với đất thu hồi đối với hộ gia đình, cá nhân không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất quy định tại Điều 100 Luật Đất đai, Điều 18 và Khoản 2 Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; xác nhận về tình trạng tranh chấp đất đai, tài sản gắn liền với đất thu hồi.

c) Xác nhận về hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp, hộ phi nông nghiệp; số nhân khẩu đang trực tiếp sinh sống tại thửa đất thu hồi, số lao động trong độ tuổi; tình trạng còn đất ở, nhà ở nào khác tại địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi; hộ gia đình bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng nhưng bị ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống hàng ngày; hoặc các nội dung khác thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã.

d) Tiếp nhận và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại địa bàn theo thẩm quyền.

Điều 25. Trách nhiệm của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

1. Chịu trách nhiệm xét duyệt về tính pháp lý đất đai, tài sản gắn liền với đất; chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được áp dụng đối với từng trường hợp bị thu hồi đất, thiệt hại tài sản theo quy định của Nhà nước và pháp luật.

2. Báo cáo, đề xuất với Ủy ban nhân dân huyện, thành phố giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

Điều 26. Trách nhiệm của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng

1. Thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo đúng quy định của nhà nước, pháp luật và trình tự, thủ tục tại quy định này.

2. Tiếp dân và giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện; báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân huyện, thành phố giải quyết những vướng mắc phát sinh vượt thẩm quyền.

3. Tiếp nhận và quản lý quỹ đất đã được giải phóng mặt bằng theo quy định của Luật Đất đai.

4. Thực hiện quản lý, sử dụng kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo đúng quy định của pháp luật.

5. Lưu trữ, quản lý hồ sơ, tài liệu, phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Trách nhiệm của Chủ đầu tư

1. Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ dự án, quy hoạch được duyệt và chủ động phối hợp với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường giải phóng mặt bằng, các cơ quan, tổ chức liên quan để thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo đúng quy định của pháp luật và quy định này.

2. Đảm bảo đầy đủ, kịp thời kinh phí để chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho người bị thu hồi đất và kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho đơn vị thực hiện.

3. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường giải phóng mặt bằng thực hiện dự án tái định cư trước khi có quyết định thu hồi đất.

4. Phối hợp với các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi thu hồi đất trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến dự án đầu tư.

Điều 28. Trách nhiệm của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi

1. Phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng, Chủ đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ chức liên quan trong việc trích đo địa chính thửa đất, kiểm kê đất đai, tài sản gắn liền với đất, thu thập, xác minh số liệu làm cơ sở lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

2. Chấp hành nghiêm quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, bàn giao mặt bằng đúng thời gian đã cam kết.

3. Thực hiện đầy đủ, kịp thời nghĩa vụ tài chính (nếu có) theo quy định pháp luật hiện hành; nộp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (nếu có) cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường giải phóng mặt bằng theo quy định.

Điều 29. Xử lý các dự án đang thực hiện

1. Những công trình, dự án đã thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư nhưng chưa có quyết định thu hồi đất, chưa phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trước ngày quyết định này có hiệu lực, thì vẫn thực hiện trình duyệt phương án phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo Quy định về trình tự, thủ tục ban hành kèm theo Quyết định số 16/2009/QĐ-UBND ngày 21/10/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Các nội dung công việc tiếp theo về thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án thực hiện theo Quy định này.

2. Công trình, dự án chưa thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được thực hiện theo quy định này.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc vượt thẩm quyền giải quyết, các cơ quan, đơn vị có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. /

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đình Quang

BIỂU TÓM TẮT TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THỰC HIỆN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

(Kèm theo Quyết định số 05 /2015/QĐ-UBND ngày 16 /4 /2015 của UBND tỉnh)

- Thời gian thực hiện từ khi ban hành Thông báo thu hồi đất đến khi ban hành Quyết định thu hồi đất là 90 ngày.
- Thời gian thực hiện tất cả các bước phục vụ cho việc thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường là 139 ngày.

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
Bước 1	Lập, trình duyệt kế hoạch thu hồi đất, điều tra, đo đạc, kiểm đếm tài sản	Sở hoặc Phòng Tài nguyên và Môi trường	Chủ đầu tư	05 ngày làm việc
Bước 2	Xác định mốc giới quy hoạch, tọa độ mô, phạm vi GPMB tại thực địa và trên bản đồ.	Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng	Chủ đầu tư, UBND cấp xã, người sử dụng đất bị thu hồi	30 ngày làm việc
	Trích đo địa chính hoặc trích lục bản đồ địa chính thửa đất			
	Lập danh sách chủ sử dụng thửa đất thu hồi			
Bước 3	Lập hồ sơ thông báo thu hồi đất	Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng	Chủ đầu tư	05 ngày làm việc
	Thẩm định hồ sơ thông báo thu hồi đất, trình Ủy ban nhân dân cấp thẩm quyền phê duyệt	Sở hoặc Phòng Tài nguyên và Môi trường	Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng	03 ngày làm việc
	Phê duyệt thông báo thu hồi đất, quyết định thành lập Hội đồng bồi thường	UBND cấp thẩm quyền	Sở hoặc Phòng Tài nguyên và Môi trường	03 ngày làm việc
	Công bố Thông báo thu hồi đất	Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng	Chủ đầu tư, UBND cấp xã nơi có đất thu hồi	02 ngày làm việc

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
Bước 4	Kiểm kê, kiểm đếm đất đai, tài sản trên đất thu hồi và lập biên bản kiểm kê cho từng chủ sử dụng bị thu hồi đất.	Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng	Chủ đầu tư, UBND cấp xã, người có đất thu hồi	30 ngày làm việc
	Kiểm tra, đối chiếu kết quả kiểm kê so với đất đai, tài sản đang sử dụng	Người có đất thu hồi	Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng	03 ngày làm việc
	Tiếp thu ý kiến, kiểm tra, hoàn chỉnh kết quả kiểm kê	Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng	Người có đất thu hồi, UBND cấp xã, Chủ đầu tư	03 ngày làm việc
Bước 5	Tổng hợp kết quả kiểm kê, xác định tình trạng pháp lý đất đai, tài sản, chính sách áp dụng đối với các trường hợp bị thu hồi đất, thiệt hại về tài sản gửi Hội đồng bồi thường.	Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng	UBND xã, hộ gia đình, cá nhân, các cơ quan liên quan; Chủ đầu tư	07 ngày làm việc
	Họp xét các trường hợp được hoặc không được bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; hoàn thiện biên bản họp	Hội đồng Bồi thường	Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng	03 ngày làm việc
Bước 6	Lập Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng	Chủ đầu tư	05 ngày làm việc
	Lấy ý kiến về dự thảo Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư		Chủ đầu tư, UBND cấp xã, người có đất thu hồi	20 ngày làm việc
	Tiếp thu giải quyết vướng mắc, hoàn thiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng	Chủ đầu tư, UBND cấp xã, cơ quan liên quan người có đất thu hồi	07 ngày làm việc
Bước 7	Thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; ra văn bản thông báo kết quả thẩm định	Cơ quan tài nguyên và môi trường	Cơ quan chức năng liên quan, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng	05 ngày làm việc

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	
	Chỉnh sửa phương án bồi thường theo ý kiến thẩm định.	Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng	Chủ đầu tư	03 ngày làm việc	
Bước 8	Hoàn thiện hồ sơ thu hồi đất	Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng	Chủ đầu tư, cơ quan, đơn vị liên quan	05 ngày làm việc	Thực hiện đồng thời trong thời gian thực hiện bước 7
	Kiểm tra hồ sơ thu hồi đất	Sở hoặc Phòng Tài nguyên và Môi trường	Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng	05 ngày làm việc	
	Chỉnh sửa hồ sơ thu hồi đất theo kết quả kiểm tra.	Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng	Chủ đầu tư, cơ quan, đơn vị liên quan	03 ngày làm việc	
Bước 9	Quyết định thu hồi đất, phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	Ủy ban nhân dân cấp thẩm quyền	Sở hoặc phòng Tài nguyên và Môi trường	02 ngày làm việc	
	Công khai Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng	Chủ đầu tư, UBND cấp xã, người có đất thu hồi	03 ngày làm việc	
Bước 10	Chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án đã được phê duyệt	Chủ đầu tư	Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng	Trong thời hạn 30 ngày	
	Người có đất bị thu hồi tháo dỡ, di chuyển bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư			Theo đúng thời hạn đã cam kết	